

VIVEKANANDA - NGƯỜI BẮC NHỊP CẦU NỐI văn hoá Ấn Độ với văn hoá Âu - Mĩ

TS. NGÔ MINH OANH

Khoa Lịch sử - Đại học Sư phạm tp. Hồ Chí Minh

Nếu như nửa đầu thế kỷ XIX, phong trào Duy Tân ở Ấn Độ gắn liền với tên tuổi của Rammohun Roy, Ramakrishna... thì nửa sau thế kỷ XIX nổi bật lên với tên tuổi Swami⁽¹⁾ Vivekananda. Ông là nhà yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản tìm kiếm sự kết hợp tư tưởng, văn hoá Âu - Mĩ với tư tưởng, văn hoá Ấn Độ để phục hưng đất nước. Ông được mọi người gọi là “ngọn đèn hiệu cho tương lai”, “một nhân cách trẻ trung, năng động được nhân lên với sự nồng nhiệt thực tế của một nhà cải cách. Ông không chỉ chủ trương cải cách tôn giáo, mà còn cải cách toàn diện đời sống đất nước”⁽²⁾.

Vivekananda tên là Nerendranath Duth sinh năm 1863, trong một gia đình quý tộc mộ đạo tại thành phố Calcutta⁽³⁾, vì thế có những hiểu biết sâu sắc về Hindu giáo. Tốt nghiệp trường Đại học Calcutta và chịu ảnh

hưởng của nền giáo dục phương Tây, ông say mê với các trường phái thực nghiệm phương Tây của Stuart Mill, Keshab Candra Sen và Herbert Spencer... Ông là người có tư duy triết học sắc sảo và tư tưởng khoan hoà rộng mở với các tôn giáo, các nền văn hoá. Khi chính quyền địa phương tiến hành những cải cách hành chính-xã hội để lôi kéo quý tộc phong kiến và dân chúng, về khách quan, đã tạo ra những nhân tố làm tiền đề cho trào lưu tư tưởng, văn hoá mới phát triển.

Vivekananda lúc còn nhỏ thụ giáo với người thầy Ramakrishna ở Banranagore. Ảnh hưởng bởi tư tưởng thầy, sau khi Ramakrishna qua đời, Vivekananda đã thay thầy dẫn dắt những người học trò khác, chỉ cho họ về sự phát triển tư tưởng của nhân loại, hướng họ vươn tới chân trời rộng lớn của chân lí không biên giới, vượt qua những ngăn cách về chủng tộc, tôn giáo để hoà nhập với thế giới.

Thôi thúc phải làm một cái gì đó để thực hiện ý định của mình, năm 1888, Vivekananda quyết định đi đến mọi miền trong đất nước. Những chuyến đi này đã làm cho ông thêm yêu đất nước, nhận thức được sự thống nhất tinh thần của đất nước Ấn Độ.

⁽¹⁾ Swami: Danh hiệu tôn trọng dùng đặt trước tên người, dành cho nhà sư, hoặc dùng để tôn vinh một thầy tâm linh hay một người được tôn kính vì tính thánh của người đó.

⁽²⁾ Sumathi Gurujai. Swami Vivekanada: A beacon of light. India Perspectives, 5-2000.

⁽³⁾ Calcutta bắt nguồn từ một tên gọi địa phương là Kalikatta, có nghĩa là cánh đồng của nữ thần Kali.

Những chuyến đi cũng làm cho ông sáng tỏ thêm những quan niệm về thế giới, thoả mãn lòng khao khát hiểu biết và chức phận tự do.

Ông gần gũi với những con người khốn khổ và cố gắng thấu hiểu những vấn đề cấp bách đang diễn ra: giàu-nghèo, thành thị-nông thôn, và sự vật lộn sinh tồn của người dân đất nước ông. Cuốn sách lớn cuộc đời đã mang đến cho ông cái mà tất cả những cuốn sách ở trong thư viện không thể có được.

Ông không ngừng làm việc để mở rộng tri thức, kinh nghiệm, cố tránh xa lòng mộ đạo mù quáng và luôn nuôi dưỡng nghị lực. Ông tham gia các cuộc tọa đàm, muốn kết hợp đức tin của Hindu giáo với khoa học, những tư tưởng của Vedanta với những thành tựu của xã hội hiện đại. Trong khi Ấn Độ chưa biết gì về nền dân chủ của phương Tây, ông đã thấy sự cần thiết phải đưa vào Ấn Độ những tư tưởng tiến bộ đã được thử nghiệm thành công ở Âu - Mỹ.

Ông phản đối sự tìm kiếm con đường giải thoát riêng, cổ vũ việc tìm kiếm con đường giải thoát chung cho sự phục hưng Ấn Độ và sự lan toả văn hoá của nó đối với thế giới. Ông coi việc “giúp nhân dân thoát khỏi cảnh đói nghèo” là nhiệm vụ cao cả. Nhưng giúp đỡ họ như thế nào khi không có tiền, không có những món quà có giá trị của những người giàu hảo tâm? Ông hướng tâm nhìn của mình về phía bên kia đại dương. Với ông, vì những người nghèo khổ ở Ấn Độ mà phải đi đến châu Âu và châu Mỹ để nói với thế giới rằng, thế giới đang cần đến sự

giải thoát của Ấn Độ. Lời kêu gọi của Ấn Độ tới châu Âu và châu Mỹ được phác thảo trong suy nghĩ. Ông bắt đầu học tiếng Pháp và tháng 12/1892, ông trình bày với chính quyền ý định đi phương Tây để cải thiện điều kiện vật chất cho Ấn Độ, và đồng thời mang đến cho phương Tây những tinh tuý của Vedanta.

Tháng 5/1893, ông *sang phương Tây*. Đây là chuyến đi đầu tiên của ông ra nước ngoài, như một cuộc thám hiểm đầy thú vị⁽⁴⁾. Biện Hội nghị Tôn giáo thế giới sắp được tổ chức ở Mỹ, mặc dù không có những thông tin cụ thể nhưng ông vẫn vẫn quyết ra đi dù biết những khó khăn đang chờ đợi mình phía trước.

Tháng 7/1893, ông đến Chicago, Hội nghị Tôn giáo khai mạc vào ngày 2/9/1893. Khi xuất hiện trong Hội nghị, với dáng vẻ lịch thiệp, giọng nói ấm áp và những lập luận sắc sảo, ông đã chinh phục được đại biểu phương Tây vốn mang nặng định kiến về chủng tộc và màu da. Bài phát biểu của Vivekananda như đã đốt cháy lên ngọn lửa nhiệt tình của Hội nghị. Ông giới thiệu về Hindu giáo như “bà mẹ của tôn giáo” đã mang đến cho con người những hành động theo nguyên tắc: “chấp nhận nhau và thông cảm cho nhau”. Mọi người đều nói say sưa về “Chúa trời” của họ, còn ông nói về “Chúa trời” của tất cả mọi người và tiếp xúc với họ như những người cùng tôn giáo. Với ông, các tôn giáo không có giới hạn về không gian và

⁽⁴⁾ Trong chuyến đi này ông đổi tên mình thành Vivekananda

thời gian, chúng hoà hợp vào trong một tổng thể lớn: Bạn có thể cảm nhận Brahma của Hindu giáo, Buddha của Phật giáo, Jehovah của Do Thái giáo, Jesus Christ của Kitô giáo. Tín đồ Kitô giáo không buộc phải trở thành tín đồ Phật giáo hay Hindu giáo, nhưng mỗi người nên biết hoà đồng với suy nghĩ của người khác, trong lúc vẫn có quyền giữ niềm tin theo quy tắc riêng. Hội nghị Tôn giáo đã chứng minh sự tinh khiết, sự nhiệt tình và hoà hợp là có thể thực hiện được. Lòng tin không thể sản sinh ra từ những người đàn ông và những người đàn bà hẹp hòi, ích kỷ mà từ những tấm lòng cao thượng. Hãy giúp đỡ lẫn nhau, sống hoà hợp, gia nhập vào hội tương trợ và giữ gìn sự hoà hợp đó.

Về xã hội và nền văn hoá phương Tây mà lần tiếp xúc đầu tiên là nước Mỹ, ông có những nhận xét khá xác đáng. Tôn trọng nước Mỹ về sức mạnh kinh tế, công nghiệp, khoa học kỹ thuật, văn hoá giáo dục, trật tự xã hội và phúc lợi, nhưng ông cũng thấy mặt trái của xã hội Mỹ, như sự mất nhân đạo, sự nhỏ nhen ích kỷ của lý trí, thói kiêu ngạo, sự cướp bóc và những tội ác khác.

Trong suy nghĩ của Vivekananda, phương Tây có thể giúp đỡ Ấn Độ vật chất, còn Ấn Độ có thể mang đến cho phương Tây kho tàng văn hoá tinh thần giàu có của mình. Đó là sự trao đổi “sòng phẳng, trung thực và anh em”.

Ông đã tiến hành ở Mỹ một loạt công việc để phân phát những “hạt giống” Vedanta trên đất nước rộng lớn đang “bỏ hoang” này.

Tháng 6/1895, ông hoàn thành tác phẩm nổi tiếng Rajayoga thu hút sự chú ý của các nhà sinh lý học Mỹ. Ông không chỉ giảng về những tác phẩm triết học và tôn giáo của Ấn Độ mà còn khéo léo đánh thức nghị lực trong những tâm hồn đang ngưỡng mộ ông. Vivekananda giảng dạy Vedanta thông qua các hội nghị và các lớp học ở New York. Các bài diễn thuyết của ông đã thực sự thu hút học viên. Được sự giúp đỡ của Sir Francis Leggett, ông đã thành lập tổ chức “Vedanta Society” ở New York. Ông muốn tổ chức này trở thành trung tâm của phong trào Vedanta ở Mỹ với khẩu hiệu khoan dung và cổ vũ cho một thế giới đại đồng tôn giáo. Không chỉ ở New York, ông còn nói chuyện ở Boston, Detroit, Brook Lyn... trước sinh viên và giáo sư triết học của Đại học Havard. Ở Havard ông được phong danh hiệu giáo sư Triết học phương Đông, ở Colombia người ta phong cho ông danh hiệu giáo sư tiếng Phạn Ấn Độ.

Sự tiếp xúc với tư tưởng và đức tin của phương Tây đã giúp ông hình thành một cách chắc chắn ý tưởng của một tôn giáo toàn cầu. Sự thông thái Hindu giáo và những tiếp nhận mới làm cho tầm nhìn của ông mở rộng. Với ông, để cho tư tưởng Ấn Độ có thể tiếp tục xâm nhập vào phương Tây, làm cho tư tưởng phương Tây phong phú, cần thiết phải tổ chức lại nó từ thấp đến cao. Sắp xếp một trật tự gồm nhiều tôn giáo và nhiều hình thức thành một hệ thống lớn xung quanh một trục ổn định của tư tưởng toàn cầu. Xây dựng mối liên hệ để nối liền quan điểm phương Đông với quan điểm phương Tây bằng cách tìm ra

nét giống nhau giữa cái nhìn thâm thúy, sâu sắc của triết học Ấn Độ với những kiến thức của khoa học hiện đại phương Tây. Ông sung sướng với ý tưởng này và coi nó như một “tin mừng” của thế giới. Ông gọi công việc này là chuyển dịch tư tưởng Hindu sang ngôn ngữ châu Âu. Vivekananda muốn xoá tan màn sương khói đang che phủ, làm mờ nhạt và méo mó tư tưởng triết học Ấn Độ.

Ông cho rằng lòng sùng đạo chân chính thì tôn giáo nào cũng có, bất cứ tôn giáo nào cũng đều khát khao vươn tới đáng tối cao mà Kitô giáo là chúa Jêsus, Hồi giáo gọi là thành Allah, Phật giáo gọi là Đức Phật và Ấn Độ giáo gọi là Brahma. Vì vậy ông kêu gọi tất cả các tôn giáo trên thế giới hãy liên kết và thống nhất lại, không nên chia rẽ và hiềm khích nhau.

Chuyến đi đến nước Anh đã để lại trong Vivekananda những ấn tượng sâu sắc và bất ngờ hơn là chuyến đi Mỹ.

Ngay từ khi đặt chân lên lục địa châu Âu ông đã cảm thấy một đời sống tinh thần khác hẳn. Ông bị choáng ngợp bởi nước Anh, vốn là kẻ thù của nhân dân Ấn Độ. Khám phá nước Anh, ngưỡng mộ, nhưng ông không quên sứ mệnh Ấn Độ của mình. Ông muốn dựa vào sự “vĩ đại” của nước Anh để thực hiện sự phục hưng “đế quốc tinh thần” Ấn Độ. Ông viết: Đế quốc Anh, với những lỗi lầm của nó là bộ máy lớn nhất chưa từng có để truyền bá tư tưởng. Tôi có ý định đặt những tư tưởng của tôi vào giữa bộ máy này và những tư tưởng đó sẽ truyền bá khắp thế

giới... Các sáng tạo tinh thần luôn luôn đến với nhân loại từ những dân tộc bị áp bức, như đã từng xảy ra ở Hy Lạp và Do Thái.

Ông được báo chí hết lời ca ngợi và bày tỏ sự ngưỡng mộ. Người ta coi ông ngang với những nhà sáng lập tôn giáo như Đức Phật, chúa Jêsus... Ông được giới quý tộc và các chức sắc nhà thờ bày tỏ cảm tình và đón tiếp nồng nhiệt.

Khi đến nước Anh lần hai, ông mở những lớp dạy Vedanta bắt đầu bằng những bài yoga trí tuệ⁽⁵⁾. Ông còn tổ chức một loạt buổi nói chuyện ở các bảo tàng, các hội giáo dục, các câu lạc bộ trẻ. Ông thấy tuy bảo thủ hơn người Mỹ, song người Anh tỏ ra nghiêm túc, điều đó làm cho ông tin tưởng và dấn thân cho sự truyền bá Vedanta.

Mùa hè năm 1896, Vivekananda đi Thụy Sĩ. Trong chuyến đi này ông nảy ra ý định lập một tu viện trên dãy Himalaya để tập hợp các môn đồ phương Tây và phương Đông cùng làm việc. Ông sang Đức thăm giáo sư Paul Deussen. Ông muốn nhìn tận mắt nước Đức vì đã nghe nói nhiều về sức mạnh vật chất và nền văn hoá này. Paul tiếp ông rất thân mật, họ đã có những cuộc đàm đạo sôi nổi. Deussen rất am hiểu tôn giáo và triết học Ấn Độ. Ông ca ngợi và đánh giá cao Vedanta. Ông nói: “Vedanta không chỉ là một trong những công trình vĩ đại của thiên tài con người trong việc đi tìm chân lý mà còn là sự yểm trợ mạnh mẽ của đạo đức

⁽⁵⁾ Jñānāyoga

trong sáng nhất, là niềm an ủi to lớn nhất những nỗi đau của con người”. Deussen, nhà bác học và hiền triết Đức, đã làm rất nhiều cho văn hoá Ấn Độ. Vivekananda luôn nhắc nhở các đệ tử về món nợ của Ấn Độ đối với những người châu Âu đã hiểu và yêu Ấn Độ, mà đứng đầu là Max Muller và Paul Duessen.

Vivekananda rời nước Anh vào ngày 16/12/1896 để đến Italia. Ông rất xúc động khi đến Roma vì trong suy nghĩ của ông, Roma có vị trí tương tự như Delhi, cảm nhận giống nhau giữa nghi thức Công giáo và lễ nghi của Ấn Độ giáo. Trên đường từ châu Âu về lại Ấn Độ, Vivekananda nghĩ nhiều tới cái gạch nối thiêng liêng giữa hai thế giới phương Đông và phương Tây.

Hướng về đất nước, ông cảm thấy trách nhiệm to lớn của mình là phải cứu rỗi được hàng triệu người Ấn Độ thoát khỏi cảnh điêu tàn, trên những cơ sở mới: tái tạo Ấn Độ bằng Ấn Độ. Ông sẽ thực hiện không chút do dự cái công việc cực kỳ to lớn này vì trong những chuyến sang phương Tây ông đã nhận thức được.

Ông liên hệ với các đệ tử và vạch ra kế hoạch phục hưng Ấn Độ. Để làm được điều đó cần tập hợp các lực lượng rời rạc, giáo dục đức vàng lời và biết hy sinh vì người khác. Ông thành lập “Diễn đàn tinh thần Vedanta” và dự định thành lập các chi nhánh khác ở Madras, Calcutta, Bombay và Alhabad. Ở mỗi trung tâm, ông sẽ cùng những người cộng tác và các trợ lý người phương Tây thành lập “Hội giúp đỡ và thương yêu quốc tế”. Hội này sẽ hoạt động ở Ấn Độ và các nơi trên thế giới bằng việc phục vụ con người.

Việc tiếp xúc với văn hoá và con người phương Tây giúp ông hiểu sâu hơn tính cách của người Ấn Độ và ngược lại, Ấn Độ giúp ông đánh giá được tính cách của con người và nền văn hoá phương Tây. Đối với ông, cả hai đều cần thiết, bổ sung cho nhau, giúp thực hiện con đường mà ông đã khai phá.

Ở Madras ông đọc nhiều diễn văn bằng các thứ tiếng địa phương, đặc biệt là bản “Thông điệp gửi Ấn Độ”. Như một người chỉ huy, ông trình bày kế hoạch và kêu gọi nhân dân đứng lên: “Trái tim đỏ máu của ta đã đi qua một nửa vòng Trái Đất để tìm kiếm sự giúp đỡ. Có thể ta sẽ chết trên mảnh đất này vì đói và lạnh, nhưng ta sẽ để lại cho các con tình yêu của ta, cuộc chiến đấu của ta và những người nghèo, những kẻ bị áp bức. Hãy hi sinh cuộc đời cho họ, dành toàn bộ sự sống của mình để chuộc tội cho ba trăm triệu người Ấn Độ. Hỡi đất nước Ấn Độ hãy đứng dậy! Các bạn hãy tỉnh giấc khỏi cơn mê hèn yếu. Hãy cho tôi một trăm người có khí phách và đầy lòng tin, chúng tôi sẽ làm cách mạng thế giới”⁽⁶⁾. Những lời kêu gọi đầy nhiệt huyết của ông đã góp phần thức tỉnh nhân dân Ấn Độ đứng lên chống lại thực dân Anh.

Ngày 1/5/1897, ông cùng bạn bè thành lập Hội truyền giáo Ramakrishna (Mission Ramakrishna), với mục đích khuyến khích cái thiện, thông qua luyện tập để giúp đỡ mọi người tiến kịp với thời đại. Nhiệm vụ của Hội là lãnh đạo phong trào tôn giáo nhằm thiết lập

⁽⁶⁾ Dẫn theo Nguyễn Thừa Hỷ. *Ấn Độ qua các thời đại*. Nxb Giáo dục, 1986, tr 89.

tình anh em giữa các tôn giáo khác nhau thành một tôn giáo vĩnh hằng duy nhất. Mạng lưới hoạt động của Hội gồm một bộ phận hoạt động ở trong nước hướng tới thành lập những tổ chức giáo sĩ và nhà chùa để tập hợp những Sannyasi có nguyện vọng dành cuộc sống của mình cho việc giáo dục nhân dân. Một bộ phận khác gồm những thành viên ưu tú được gửi ra nước ngoài để thiết lập những trung tâm tinh thần, tìm sự giúp đỡ và cảm thông lẫn nhau giữa Ấn Độ và các nước khác.

Ông làm việc để tăng cường hiểu biết của người Hindu, truyền bá khoa học và triết học phương Tây bằng tiếng Phạn, chủ trương xây dựng lại các trường đại học với mục đích không chỉ đào tạo những viên chức nhà nước mà còn đào tạo những con người. Năm 1898, ông sáng lập những tờ báo và tạp chí làm công cụ tuyên truyền và giáo dục ở Ấn Độ.

Thời gian này ông còn đào tạo những người châu Âu trở thành những tu sĩ Ấn Độ giáo, đó là các cô Margaret Noble, Mulletor, Josephina Mac Leod và ông Ollebun... Cô Margaret Noble và cô Mulletor đã thành lập một trường đại học để giáo dục phụ nữ Ấn Độ. Với Nivedita, người phụ nữ Anh đã bị thuyết phục bởi những lý lẽ của Vivekananda, một sự sụp đổ của đức tin phương Tây đang diễn ra ở trong bà. Tính đa cảm của người Ấn Độ đã hiện lành soi sáng những hình ảnh vào trong đầu óc của người châu Âu du lý.

Tháng 6/1899, Vivekananda một lần nữa sang châu Âu và châu Mỹ để kiểm tra những kết quả mình đã làm trước đây. Ông vẫn

khẳng định sự cần thiết phải kết hợp giữa phương Đông với phương Tây, Ấn Độ và châu Âu, cả hai nơi đều chứa đựng những kinh nghiệm sống vĩ đại nhưng đều chưa chín muồi và hoàn thiện, cần phải có sự kết hợp và giúp đỡ lẫn nhau trong sự tôn trọng, tự do và bình đẳng để cùng phát triển. Sau khi ở London, ông sang Mỹ và ở đó gần một năm. Ông rất vui mừng khi biết được những tác phẩm về Vedanta đang được truyền bá rộng rãi. Ông đến California, tiếp tục thành lập nhiều trung tâm Vedanta mới ở San Francisco, Oakland, Alamada và một tu viện ở Santa Clara. Vivekananda rất sung sướng vì công việc trôi chảy.

Ngày 20/7/1900, ông đến Paris tham gia Hội nghị về Lịch sử các tôn giáo nhân dịp triển lãm toàn cầu. Ông thuyết trình về kinh Veda, nền tảng chung của Hindu giáo và Phật giáo. Ông phát triển lập luận về ảnh hưởng của Hi Lạp đến chữ viết và khoa học của Ấn Độ. Bài phát biểu đã ảnh hưởng quan trọng đến nhận thức của xã hội Paris. Ông đề cao Paris và nước Pháp, cho Paris là trung tâm và là nguồn văn hoá của châu Âu. Ở đó, đạo đức học và xã hội học phương Tây được thiết lập, ở đó các trường đại học là hình mẫu của tất cả các trường đại học khác. Paris là ngôi nhà của tự do, nó đã truyền cho châu Âu một cuộc sống mới.

Ông cũng đã ở lại một thời gian ở Lannion, trong nhà bà Ole Bull. Ngày thánh Michel, ông đến Mont Saint Michel và vẫn luôn tin tưởng sự giống nhau giữa Hindu giáo

và Thiên chúa giáo. Ông tìm thấy trong những người châu Âu có dòng máu châu Á hoà trộn ở những mức độ khác nhau. Ngày 24/10, ông đến Vien và Constantinople, nhưng sau Paris không có thành phố nào làm ông quan tâm nữa.

Ông trở về Ấn Độ tháng 12/1900, sống ở Tu viện Belur như một tu sĩ dòng thánh Francois⁽⁷⁾. Bất chấp sự đau đớn do bệnh tật, ông vẫn tổ chức những lớp học Vedanta, dạy cho học trò phương pháp suy tưởng, truyền cho những người nghèo khổ lòng tự tin. Xen giữa những cơn đau là kế hoạch và ước nguyện mà Vivekananda đã vạch ra: quan tâm đến sự tái sinh của Ấn Độ. Hai dự định làm ông để tâm nhất là thành lập ở Calcutta một trường học Vedanta, dạy văn hoá cổ Arien và khoa học hiện đại châu Âu bằng tiếng Phạn.

Đầu năm 1902, chuyến công du vĩ đại của cuộc đời ông đã chấm dứt. Vivekananda – một đạo sĩ lớn, một triết gia uyên bác, một nhà yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản, chủ trương xây dựng nền văn minh mới của Ấn Độ dựa trên sự đoàn kết nhân loại, trên sự hoà hợp tinh thần giữa phương Đông và phương Tây, đã mất vào ngày 4/7/1902.

Những lời tâm huyết mong muốn phục hưng Ấn Độ một cách toàn diện, triệt để của

ông như vẫn còn vang lên: “Tôi có một thông điệp cho toàn thế giới, thông điệp mà tôi chuyển giao không có sự sợ hãi và lo lắng cho tương lai. Đối với những người cải cách, tôi sẽ chỉ ra rằng, tôi là một người cải cách vĩ đại hơn bất kì ai khác. Họ muốn cải cách một chút, còn tôi muốn cải cách cả gốc lẫn ngọn”⁽⁸⁾.

Tiếc thay, ông đã ra đi quá sớm, ở tuổi ba mươi chín, cái tuổi mà dường như sự nghiệp chỉ mới bắt đầu. Ông chưa kịp nhìn thấy những tư tưởng mà ông đã trọn đời cố vũ trở thành hiện thực trên đất nước Ấn Độ thân yêu của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Antonova Bongrard Levin G.M. Kotovxki G.G., *Lịch sử Ấn Độ*, Moskva, (tiếng Nga). 1973.
2. *Lịch sử cận Ấn Độ*, Moskva, (tiếng Nga). 1961.
3. Nguyễn Thừa Hỷ, *Ấn Độ qua các thời đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội. 1987.
4. Nehru J. *Phát hiện Ấn Độ*, (T.1, T.2, T.3), Nxb Văn học, Hà Nội. 1990.
5. Vũ Dương Ninh (Chủ biên), Phan Văn Ban, Đinh Trung Kiên, Nguyễn Công Khanh, *Lịch sử Ấn Độ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội. 1996.
6. Romain Rolland, *La vie de Vivekananda et l'évangile Universel*, Librairie Stock, Paris. 1948
7. Swami Vivekananda, *Tri thức và giải thoát*, Nxb TP. Hồ Chí Minh. 2000.

⁽⁷⁾ Dòng Tu sĩ nhỏ (Frères mineurs) do thánh Francois d Assise lập ra năm 1208. Đây là một dòng tu ăn xin mà thánh Francois muốn họ sống nghèo khổ, phục vụ cho người nghèo và bệnh tật.

⁽⁸⁾ Swaymi Vivekananda, *Tri thức và giải thoát*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh. 2000.